

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Xây dựng cầu đường bộ; Nguội sửa chữa máy công cụ; Kỹ thuật máy nông nghiệp; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Vận hành máy thi công nền; Vận hành máy thi công mặt đường; Cơ điện nông thôn; Xử lý nước thải công nghiệp; Chế biến thực phẩm; Chế biến và bảo quản thủy sản; Trồng cây công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Lâm sinh; Khai thác, đánh bắt hải sản; Thú y; Hướng dẫn du lịch; Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Khai thác máy tàu thủy

Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Xây dựng cầu đường bộ; Nguội sửa chữa máy công cụ; Kỹ thuật máy nông nghiệp; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Vận hành máy thi công nền; Vận hành máy thi công mặt đường; Cơ điện nông thôn; Xử lý nước thải công nghiệp; Chế biến thực phẩm; Chế biến và bảo quản thủy sản; Trồng cây công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Lâm sinh; Khai thác, đánh bắt hải sản; Thú y; Hướng dẫn du lịch; Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Khai thác máy tàu thủy, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Xây dựng cầu đường bộ; Nguội sửa chữa máy công cụ; Kỹ thuật máy nông nghiệp; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Vận hành máy thi công nền; Vận hành máy thi công mặt đường; Cơ điện nông thôn; Xử lý nước thải công nghiệp; Chế biến thực phẩm; Chế biến và bảo quản thủy sản; Trồng cây công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Lâm sinh; Khai thác, đánh bắt hải sản; Thú y; Hướng dẫn du lịch; Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Khai thác máy tàu thủy, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Xây dựng cầu đường bộ; Nguội sửa chữa máy công cụ; Kỹ thuật máy nông nghiệp; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Vận hành máy thi công nền; Vận hành máy thi công mặt đường; Cơ điện nông thôn; Xử lý nước thải công nghiệp; Chế biến thực phẩm; Chế biến và bảo quản thủy sản; Trồng cây công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Lâm sinh; Khai thác, đánh bắt hải sản; Thú y; Hướng dẫn du lịch; Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Khai thác máy tàu thủy¹.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề sau:

1. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Gia công và thiết kế sản phẩm mộc” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 1a;
2. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Gia công và thiết kế sản phẩm mộc” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 1b;
3. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 2a;
4. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 2b;
5. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Xây dựng cầu đường bộ” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 3a;

¹ Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Xây dựng cầu đường bộ; Nguội sửa chữa máy công cụ; Kỹ thuật máy nông nghiệp; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Vận hành máy thi công nền; Vận hành máy thi công mặt đường; Cơ điện nông thôn; Xử lý nước thải công nghiệp; Chế biến thực phẩm; Chế biến và bảo quản thủy sản; Trồng cây công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Lâm sinh; Khai thác, đánh bắt hải sản; Thú y; Hướng dẫn du lịch; Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Khai thác máy tàu thủy.”

6. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Xây dựng cầu đường bộ” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 3b;
7. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Nguội sửa chữa máy công cụ” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 4a;
8. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Nguội sửa chữa máy công cụ” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 4b;
9. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật máy nông nghiệp” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 5a;
10. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật máy nông nghiệp” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 5b;
11. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Sửa chữa máy thi công xây dựng” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 6a;
12. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Sửa chữa máy thi công xây dựng” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 6b;
13. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành máy thi công nền” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 7a;
14. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành máy thi công nền” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 7b;
15. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành máy thi công mặt đường” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 8a;
16. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành máy thi công mặt đường” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 8b;
17. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Cơ điện nông thôn” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 9a;
18. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Cơ điện nông thôn” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 9b;
19. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Xử lý nước thải công nghiệp” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 10a;
20. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Xử lý nước thải công nghiệp” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 10b;
21. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Chế biến thực phẩm” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 11a;
22. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Chế biến thực phẩm” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 11b;
23. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Chế biến và bảo quản thủy sản” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 12a;
24. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề “Chế biến và bảo quản thủy sản” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 12b;
25. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Trồng cây công nghiệp” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 13a;
26. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Trồng cây công nghiệp” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 13b;
27. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Chăn nuôi gia súc, gia cầm” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 14a;

28. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Chăn nuôi gia súc, gia cầm” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 14b;

29. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Lâm sinh” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 15a;

30. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Lâm sinh” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 15b;

31. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Khai thác, đánh bắt hải sản” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 16a;

32. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Khai thác, đánh bắt hải sản” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 16b;

33. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Thú y” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 17a;

34. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Thú y” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 17b;

35. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Hướng dẫn du lịch” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 18a;

36. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Hướng dẫn du lịch” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 18b;

37. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Điều khiển phương tiện thủy nội địa” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 19a;

38. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Điều khiển phương tiện thủy nội địa” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 19b;

39. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Khai thác máy tàu thủy” trình độ trung cấp nghề được quy định tại Phụ lục 20a;

40. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Khai thác máy tàu thủy” trình độ cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 20b.

41². Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Bảo vệ thực vật” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 21;

42³. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Điều khiển tàu cuốc” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 22;

43⁴. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 23;

² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 41, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 42, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 43, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

44⁵. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 24;

45⁶. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 25;

46⁷. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Quản trị khách sạn” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 26;

47⁸. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 27;

48⁹. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Cơ điện tử” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 28;

49¹⁰. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 29;

50¹¹. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Lập trình máy tính” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 30;

51¹². Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Quản trị cơ sở dữ liệu” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 31;

⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 44, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 45, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 46, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 47, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 48, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 49, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 50, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 51, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

52¹³. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Sửa chữa máy tàu thủy” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 32;

53¹⁴. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành điện trong nhà máy điện” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 33;

54¹⁵. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành nhà máy thủy điện” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 34;

55¹⁶. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Nguội chế tạo” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 35;

56¹⁷. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Công nghệ cán, kéo kim loại” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 36;

57¹⁸. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Cấp, thoát nước” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 37;

58¹⁹. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Vận hành máy xây dựng” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 38;

59²⁰. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 39;

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 52, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 53, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 54, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 55, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 56, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 57, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 58, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 59, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

60²¹. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Quản lý, khai thác công trình thủy lợi” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 40;

61²². Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Sản xuất gốm, sứ xây dựng” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 41;

62²³. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Công nghệ sinh học” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 42;

63²⁴. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Nuôi trồng thủy sản nước ngọt” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 43;

64²⁵. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Kỹ thuật điêu khắc gỗ” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 44;

65²⁶. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Mộc xây dựng và trang trí nội thất” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 45;

66²⁷. Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia “Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ” trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được quy định tại Phụ lục 46.

²¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 60, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 61, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 62, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 63, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 64, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 65, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

²⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 66, Điều 1 Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

Điều 2²⁸. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết. / *ndd*

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: *3874*/VBHN-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày *06* tháng *10* năm *2016*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, TCDN.



²⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 10/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 8 năm 2016 quy định như sau:

“Điều 2.

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”